TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 17-7-2017.
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Phúc.

Ông Nguyễn Văn Phụng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2017/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2017 "Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Ngọc T, sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ đăng ký HKTT: Ấp C, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ đang cư trú: Chung cư T, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Anh Ngô Văn V, sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Phạm Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc T và anh Ngô Văn V tự nguyện tổ chức lễ cưới và chung sống từ ngày 15-01-2012, nhưng đến ngày 08-3-2013 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn chị và anh V chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên chị và anh V thường xuyên cãi vã

qua lại, đến tháng 5 năm 2014 thì chị và anh V sống ly thân. Từ khi ly thân anh V đã bỏ nhà đi biệt tích, không có tin tức gì, chị T đã tìm kiếm anh V nhiều lần nhưng không gặp, nên chị T yêu cầu Tòa án tuyên bố anh V mất tích. Tòa án nhân dân huyện C đã ra quyết định số: 05/2017/QĐDS-ST, ngày 14-4-2017 tuyên bố anh V mất tích. Vì anh V đã mất tích nên chị T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Phạm Thị Ngọc T và anh Ngô Văn V có 01 người con chung tên Ngô Phạm Khả H, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2013, hiện nay chị T đang nuôi dưỡng cháu H. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Ngọc T xác định chị và anh Ngô Văn V không có tài sản chung và nợ chung, nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Phạm Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên bố mất tích đối với bị đơn là anh Ngô Văn V, nên anh V không cung cấp bản tự khai và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Ngô Văn V là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc T và anh Ngô Văn V tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, nên hôn nhân của chị T và anh V là hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên anh chị chung sống không được hạnh phúc. Anh chị không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, đến tháng 5 năm 2014 thì anh V đã bỏ nhà đi biệt tích cho đến nay. Tòa án nhân dân huyện C đã ra quyết định số: 05/2017/QĐDS-ST, ngày 14-4-2017 tuyên bố anh V mất tích. Xét thấy, anh V đã mất tích, chị T yêu cầu được ly hôn với anh V là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị T được ly hôn với anh V.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Phạm Thị Ngọc T và anh Ngô Văn V có 01 người con chung tên Ngô Phạm Khả H, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2013. Từ khi chị T và anh V sống ly thân cho đến nay chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, hiện nay chị T có nguồn thu nhập ổn định, nên đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H. Xét thấy, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nên

Hội đồng xét xử chấp nhận, xử giao cháu H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H thành niên. Do chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, nên anh V không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh V, không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Ngọc T xác định chị và anh Ngô Văn V không có tài sản chung và nợ chung, chị không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Phạm Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006118 ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, như vậy chị T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Ngô Văn V không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Ngọc T được ly hôn với anh Ngô Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Phạm Khả H, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2013 cho chị Phạm Thị Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H thành niên. Anh V không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh V, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Ngọc T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên

lai thu tiền số 0006118 ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, như vậy chị T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Ngô Văn V không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn anh Ngô Văn V không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Liên Lâm Anh Thảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh S;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.